

Số 579 - TB/HĐ

THÔNG BÁO

**kết quả thi vòng 2 và nhận đơn phúc khảo
kỳ thi tuyển công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc
và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2023**

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ “*quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức*”; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ “*quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức*” và Kế hoạch số 107-KH/TU, ngày 26/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*tuyển dụng công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2023*”; Hội đồng thi tuyển thông báo kết quả thi vòng 2 kỳ thi tuyển công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2023 được tổ chức vào ngày 25/8/2023 và nhận đơn phúc khảo như sau:

1. Kết quả thi vòng 2 (có bảng tổng hợp kết quả thi vòng 2 kèm theo)

2. Nhận đơn phúc khảo

- Thí sinh có nguyện vọng phúc khảo bài thi, đề nghị làm đơn (có mẫu đơn kèm theo) gửi về Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2023, cụ thể như sau:

- Địa điểm nhận đơn phúc khảo: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, số 30 Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Phòng Tổ chức - Cán bộ, điện thoại liên hệ 0233.3855.723).

- Thời gian nhận đơn phúc khảo: 15 ngày, từ ngày 07/9/2023 đến hết ngày 21/9/2023 (trong giờ hành chính).

- Lệ phí phúc khảo: 150.000đồng/01 bài thi (theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC, ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức).

3. Đơn phúc khảo gửi trực tiếp tại địa điểm nhận đơn phúc khảo hoặc có thể gửi qua đường bưu chính (tính theo dấu bưu điện); không chậm phúc khảo

đối với các đơn đề nghị phúc khảo bài thi nhận được sau thời hạn nêu trên và đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng thư điện tử, fax, telex.

Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2023 thông báo để các địa phương, cơ quan có liên quan và thí sinh biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy (*Báo cáo*),
- Thành viên Hội đồng thi tuyển,
- Ban giám sát,
- Các địa phương, cơ quan có thí sinh đăng ký dự thi,
- Văn phòng Tỉnh ủy (*để thông báo trên Công thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh*),
- Hội đồng thi tuyển,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

PHÓ BÍ THƯ

kiêm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Đăng Quang
Nguyễn Đăng Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN PHÚC KHẢO

Kính gửi: Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận
Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2023

Tên tôi là: Nam, nữ:

Ngày sinh:

Quê quán:

Địa chỉ:

Điện thoại liên lạc:

Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển:

.....

Số báo danh:phòng thi.....

Theo Thông báo số.....TB/HĐT ngày...../9/2023 của Hội đồng thi tuyển
công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội
năm 2023, kết quả điểm thi vòng 2 của tôi là:.....điểm.

Với kết quả thi như trên, tôi làm đơn phúc khảo đề nghị Hội đồng thi tuyển
công chức, viên chức năm 2023 xem xét và chấm phúc khảo bài thi viết môn
nghịệp vụ chuyên ngành cho cá nhân tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

....., ngày tháng năm 2023

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 2

**kỳ thi tuyển công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc
và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2023**

(kèm theo Thông báo số 579-TB/HĐ, ngày 06/9/2023 của Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức năm 2023)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
I	CHUYÊN NGÀNH TỔ CHỨC									
1.	002	Lê Thị Thúy Ái	20/10/1996	Phong Điền, TT Huế	Chuyên viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy	30			30	
2.	005	Nguyễn Tuấn Anh	20/01/1990	Bố Trạch, Quảng Bình	Chuyên viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy					Bỏ thi
3.	030	Nguyễn Từ Nhật	19/7/1997	Hiền Thành, Vĩnh Linh	Chuyên viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy	0			0	
4.	067	Phạm Minh Hoàng	08/11/1998	Duy Tiên, Hà Nam	Chuyên viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy	27			27	
5.	108	Đào Thị Mai	06/01/2001	Trung Sơn, Gio Linh	Chuyên viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy	22,8			22,8	
6.	148	Nguyễn Hà Phong	17/6/1998	Hải Phú, Hải Lăng	Chuyên viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy	24			24	
7.	179	Thái Đức Thiện	25/7/1998	Vĩnh Hòa, Vĩnh Linh	Chuyên viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy	26			26	
8.	188	Nguyễn Thị Thảo Tiên	01/3/2000	Đông Hà, Quảng Trị	Chuyên viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy	34,5			34,5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
9.	194	Trương Nguyễn Kiều Trang	22/12/1989	Quảng Ninh, Quảng Bình	Chuyên viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy	57,5	5	28,8	33,7	
10.	016	Dương Văn Cường	12/3/1994	Triệu An, Triệu Phong	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Triệu Phong	34	2,5		36,5	
11.	044	Trương Thị Diệu Hằng	09/5/1997	Triệu Hòa, Triệu Phong	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Triệu Phong	29			29	
12.	158	Trần Thị Diễm Quỳnh	25/01/1998	Triệu Đại, Triệu Phong	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Triệu Phong	59,3			59,3	
13.	058	Nguyễn Thị Hương Hoa	07/9/1990	Bố Trạch, Quảng Bình	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Đakrông	41			41	
14.	113	Tri Văn Muôn	15/9/1991	Hướng Hiệp, Đakrông	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Đakrông	50,5	5		55,5	
15.	167	Nguyễn Thị Thắm	01/8/1989	Cam Hiếu, Cam Lộ	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Đakrông	29,5	5		34,5	
16.	190	Võ Văn Tiến	21/12/1981	Vĩnh Tú, Vĩnh Linh	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Đakrông	38,5	2,5		41	
17.	227	Hồ Văn Xác	06/4/2000	Đakrông, Đakrông	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Đakrông	35,5	5		40,5	
II CHUYÊN NGÀNH TUYỂN GIÁO										
1.	015	Hồ Thị Cơ	12/8/1993	Hướng Hiệp, Đakrông	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Hướng Hóa	21,5	5		26,5	
2.	045	Nguyễn Lệ Hằng	11/02/1989	Bố Trạch, Quảng Bình	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Hướng Hóa	37			37	
3.	103	Phạm Thị Luyến	07/10/1986	Gio Hải, Gio Linh	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Hướng Hóa	26,3	5		31,3	
4.	132	Lê Trường Nhật	09/11/1991	Cửa Tùng, Vĩnh Linh	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Hướng Hóa	14			14	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
5.	204	Võ Thị Thùy Trinh	30/7/2001	Triệu Long, Triệu Phong	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Hướng Hóa	25,5			25,5	
6.	229	Trần Nguyễn Bảo Yên	08/8/1996	Triệu Phước, Triệu Phong	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Hướng Hóa	14,3			14,3	
7.	172	Nguyễn Thị Lan Thảo	06/7/1988	Vĩnh Nam, Vĩnh Linh	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Triệu Phong	37			37	
8.	215	Cao Thị Tuyền	25/11/1997	Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Triệu Phong	15			15	
9.	217	Nguyễn Thị Thu Uyên	09/09/1997	Ái Tử, Triệu Phong	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Triệu Phong					Bỏ thi
III CHUYÊN NGÀNH VĂN PHÒNG										
1.	024	Phan Lê Thùy Dung	11/02/1995	Hải Thượng, Hải Lăng	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Triệu Phong	46			46	
2.	062	Phan Thị Hồng Hóa	20/02/1993	Trung Hải, Gio Linh	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Triệu Phong	54			54	
3.	085	Lê Thị Lài	18/4/1996	Triệu Trạch, Triệu Phong	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Triệu Phong	88,5			88,5	
4.	181	Lê Thị Minh Thu	10/8/1997	Triệu Hòa, Triệu Phong	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Triệu Phong	45,8			45,8	
5.	205	Nguyễn Thị Kiều Trinh	20/3/1996	Đông Lương, Đông Hà	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Triệu Phong	45,8			45,8	
6.	214	Trần Thị Minh Tuyền	28/4/1993	Triệu Độ, Triệu Phong	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Triệu Phong	64			64	
7.	230	Phạm Hải Yên	16/01/1993	Triệu Thành, Triệu Phong	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Triệu Phong	61,3			61,3	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
IV CHUYÊN NGÀNH MẶT TRẬN TỔ QUỐC										
1.	022	Võ Đắc Trọng Đức	17/6/1999	Gio An, Gio Linh	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	25			25	
2.	038	Hoàng Thị Ngân Hà	25/5/1998	Gio Hải, Gio Linh	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	19			19	
3.	064	Võ Thị Lệ Hòa	14/12/1992	Hải Hưng, Hải Lăng	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	68,5			68,5	
4.	065	Phan Ngọc Hoài	11/02/1999	Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	12,8			12,8	
5.	074	Hoàng Minh Hữu	20/8/1997	Phường 2, Đông Hà	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	39,5	5		44,5	
6.	078	Đặng Thị Huyền	30/3/1993	Triệu Ái, Triệu Phong	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	39,5	5		44,5	
7.	090	Trần Thị Kim Liên	22/5/1992	Vĩnh Tú, Vĩnh Linh	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	42,5			42,5	
8.	091	Trương Thị Liên	18/4/1990	Thanh An, Cam Lộ	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	29			29	
9.	137	Võ Nguyễn Uyên Nhi	04/7/2000	Triệu Long, Triệu Phong	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	21,5		10,8	10,7	
10.	166	Hồ Thị Thanh Tâm	26/4/1994	TP Huế, TT Huế	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	19,5			19,5	
11.	173	Lâm Nữ Dạ Thảo	26/6/1987	TT Gio Linh, Gio Linh	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	33,5			33,5	
12.	189	Lê Thị Thủy Tiên	04/11/1991	Hải Định, Hải Lăng	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	33,5			33,5	
13.	207	Lê Ngọc Thanh Trúc	06/4/1994	Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh	34			34	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
14.	017	Đinh Thị Dàn	28/02/1988	Ba Lòng, Đakrông	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam huyện Đakrông	27,5			27,5	
15.	033	Phạm Thị An	14/11/1997	Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam huyện Đakrông	18,8			18,8	
16.	042	Phan Thị Minh Hải	06/11/1988	Vĩnh Hòa, Vĩnh Linh	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam huyện Đakrông	34,5			34,5	
17.	087	Trần Thị Lê	17/9/1992	Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh,	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam huyện Đakrông	24,3			24,3	
18.	138	Hồ Thị Yến	10/9/1996	Đông Thanh, Đông Hà	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam huyện Đakrông	24,8			24,8	
19.	150	Võ Dương Trang	01/01/1998	Hải Hưng, Hải Lăng	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam huyện Đakrông	16,5			16,5	
20.	195	Nguyễn Thị Kiều Trang	21/11/2000	Cam Tuyền, Cam Lộ	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam huyện Đakrông	51		25,5	25,5	
21.	211	Trần Anh Tuấn	19/5/1988	Gio Việt, Gio Linh	Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam huyện Đakrông	19	2,5		21,5	
V CHUYÊN NGÀNH ĐOÀN THANH NIÊN										
1.	012	Lê Thị Huyền Châu	14/6/1999	Quảng Ninh, Quảng Bình	Chuyên viên Tỉnh đoàn	51,5			51,5	
2.	023	Lê Anh Đức	09/6/2001	Triệu Độ, Triệu Phong	Chuyên viên Tỉnh đoàn					Bỏ thi
3.	034	Phan Thị Trà	02/11/1999	Hải Thượng, Hải Lăng	Chuyên viên Tỉnh đoàn	40			40	
4.	057	Đoàn Văn Hiệu	23/5/1999	Gio An, Gio Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	70,5			70,5	
5.	069	Mai Xuân Hoàng	05/5/1999	Gio Mỹ, Gio Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	13,5			13,5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
6.	072	Dương Lan	Hương	05/01/2000	Gio Mỹ, Gio Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	26,5			26,5
7.	080	Mai Văn	Khang	08/9/1998	TT Gio Linh, Gio Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	34,5			34,5
8.	092	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	29/01/1999	Phường 3, Đông Hà	Chuyên viên Tỉnh đoàn	15,5			15,5
9.	095	Nguyễn Thị Hoài	Linh	14/8/2000	Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	28,5			28,5
10.	119	Nguyễn Quang	Năm	03/9/1998	Gio Mai, Gio Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	63,5			63,5
11.	125	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	10/7/1998	Hiền Thành, Vĩnh Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	29,5			29,5
12.	126	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	12/4/1998	Kim Thạch, Vĩnh Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	74,5			74,5
13.	176	Nguyễn Phương	Thảo	12/11/2001	Phong Bình, Gio Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	65,5			65,5
14.	186	Hoàng Thị Diệu	Thúy	10/10/2000	Trung Nam, Vĩnh Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	14,3			14,3
15.	187	Nguyễn Thị Minh	Thúy	16/10/1998	Vĩnh Thái, Vĩnh Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	68,5			68,5
16.	193	Nguyễn Lê Hương	Trà	17/02/2001	Hải Hưng, Hải Lăng	Chuyên viên Tỉnh đoàn	33,5			33,5
17.	197	Hoàng Thị Lê	Trang	20/6/2000	Tuyên Hóa, Quảng Bình	Chuyên viên Tỉnh đoàn	56,5			56,5
18.	209	Hoàng Nguyễn Cẩm	Tú	31/10/2000	Cam Hiếu, Cam Lộ	Chuyên viên Tỉnh đoàn	18,5			18,5
19.	212	Lê Đức Anh	Tuấn	15/10/2000	Vĩnh Lâm, Vĩnh Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	22			22
20.	216	Đoàn Thị	Tuyết	21/11/2001	Triệu Lăng, Triệu Phong	Chuyên viên Tỉnh đoàn	17,5			17,5

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
21.	218	Phan Thị Thu Uyên	08/5/2000	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	27,5			27,5	
22.	220	Tạ Thị Cẩm Vân	24/7/2000	Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	32,5			32,5	
23.	223	Bùi Văn Vinh	10/11/2001	Trung Hải, Gio Linh	Chuyên viên Tỉnh đoàn	44,5			44,5	
24.	226	Nguyễn Thị Thảo Vy	09/11/2001	Đông Lễ, Đông Hà	Chuyên viên Tỉnh đoàn	69,5			69,5	
25.	013	Phan Thị Minh Châu	11/6/2001	Hải Thượng, Hải Lăng	Chuyên viên Huyện đoàn Hải Lăng	38,3			38,3	
26.	056	Lê Phúc Hiếu	06/3/2001	Hải Trường, Hải Lăng	Chuyên viên Huyện đoàn Hải Lăng	14			14	
27.	143	Nguyễn Thị Quỳnh Như	17/5/2000	Hải Hưng, Hải Lăng	Chuyên viên Huyện đoàn Hải Lăng	51			51	
28.	213	Hồ Thị Tươi	10/02/2000	Mỏ Ó, Đakrông	Chuyên viên Huyện đoàn Hướng Hóa	14,8	5		19,8	
29.	040	Trần Thị Ngọc Hà	14/3/1999	Triệu Thuận, Triệu Phong	Chuyên viên Huyện đoàn Triệu Phong	51,5			51,5	
30.	109	Võ Thị Tuyết Mai	22/11/1998	Cam Thủy, Cam Lộ	Chuyên viên Huyện đoàn Triệu Phong	39,8			39,8	
31.	155	Lê Hồng Minh Phương	09/01/2000	Triệu Trạch, Triệu Phong	Chuyên viên Huyện đoàn Triệu Phong	4,8			4,8	
32.	027	Nguyễn Duy	28/01/2001	Triệu Thành, Triệu Phong	Chuyên viên Thị đoàn Quảng Trị	25			25	
33.	052	Nguyễn Nữ Tâm Hạnh	24/9/2001	Hải Hưng, Hải Lăng	Chuyên viên Thị đoàn Quảng Trị	7,8			7,8	
34.	082	Lê Quốc Khánh	02/9/2000	Triệu Trạch, Triệu Phong	Chuyên viên Thị đoàn Quảng Trị	39			39	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
VI CHUYÊN NGÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG										
1.	021	Dương Thị Khánh Dịu	01/01/1992	Phong Điền, TT Huế	Chuyên viên LĐLĐ tỉnh	46,9			46,9	
2.	073	Bùi Thị Hường	01/8/1988	Triệu Giang, Triệu Phong	Chuyên viên LĐLĐ tỉnh	28,6			28,6	
3.	086	Phùng Thị Lan	10/12/1998	Vĩnh Giang, Vĩnh Linh	Chuyên viên LĐLĐ tỉnh	8,8			8,8	
4.	124	Đỗ Thị Bảo Ngọc	06/02/1993	Diên Sanh, Hải Lăng	Chuyên viên LĐLĐ tỉnh	5,5			5,5	
5.	175	Trần Phương Thảo	06/8/2001	Vĩnh Tú, Vĩnh Linh	Chuyên viên LĐLĐ tỉnh	02			02	
6.	081	Trần Thị Diệu Khanh	26/02/1994	Cam Nghĩa, Cam Lộ	Chuyên viên LĐLĐ huyện Cam Lộ	02			02	
7.	121	Nguyễn Quỳnh Nga	03/07/1991	Đông Lễ, Đông Hà	Chuyên viên LĐLĐ huyện Cam Lộ	19,9			19,9	
8.	131	Lê Thị Hồng Nhạn	09/08/1987	Cam Nghĩa, Cam Lộ	Chuyên viên LĐLĐ huyện Cam Lộ	14,3			14,3	
9.	139	Nguyễn Thị Phương Nhi	25/3/1999	Kim Thạch, Vĩnh Linh	Chuyên viên LĐLĐ huyện Cam Lộ	21,4	5		26,4	
10.	196	Nguyễn Thùy Trang	22/4/1990	Hồ Xá, Vĩnh Linh	Chuyên viên LĐLĐ huyện Cam Lộ	2,5	5		7,5	
11.	007	Lê Thị Vân Anh	18/10/1988	Diên Sanh, Hải Lăng	Chuyên viên LĐLĐ thành phố Đông Hà	22,4			22,4	
12.	105	Lê Thị Trúc Ly	10/4/1992	Triệu Văn, Triệu Phong	Chuyên viên LĐLĐ thành phố Đông Hà	36,1	5		41,1	
13.	117	Trần Thị Na	10/02/1995	Gio Quang, Gio Linh	Chuyên viên LĐLĐ thành phố Đông Hà	15,1			15,1	
14.	183	Bùi Văn Thuận	11/6/1999	Triệu Thượng, Triệu Phong	Chuyên viên LĐLĐ thành phố Đông Hà	20			20	
15.	222	Lê Thị Ngọc Viễn	15/02/1995	Gio Mỹ, Gio Linh	Chuyên viên LĐLĐ thành phố Đông Hà	6,9			6,9	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
VII CHUYÊN NGÀNH TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ										
1.	008	Hoàng Ngọc Anh	07/01/1999	Triệu Ái, Triệu Phong	Giảng viên Trung tâm Chính trị huyện Triệu Phong	69,3			69,3	
VIII CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN										
1.	020	Võ Xuân Đào	03/01/1995	Hương Sơn, Hà Tĩnh	Kế toán Ban Tổ chức Tỉnh ủy	62,8			62,8	
2.	112	Lê Tường Minh	05/12/2000	Triệu Ái, Triệu Phong	Kế toán Ban Tổ chức Tỉnh ủy	26,5			26,5	
3.	116	Lưu Thị Trà My	12/01/1997	Hiền Thành, Vĩnh Linh	Kế toán Ban Tổ chức Tỉnh ủy	25			25	
4.	122	Nguyễn Thị Nga	17/01/1998	Trung Hải, Gio Linh	Kế toán Ban Tổ chức Tỉnh ủy	88,5			88,5	
5.	170	Trần Hữu Thành	31/7/1992	Hải Phú, Hải Lăng	Kế toán Ban Tổ chức Tỉnh ủy					Bỏ thi
6.	070	Lê Hoàng	28/7/1992	Quảng Điền, TT Huế	Kế toán cơ quan Huyện ủy Cam Lộ	38,5			38,5	
7.	140	Hoàng Phương Nhi	01/10/1997	Phường 2, Đông Hà	Kế toán cơ quan Huyện ủy Cam Lộ	20			20	
8.	162	Phan Thị Như Quỳnh	02/8/1993	Triệu Tài, Triệu Phong	Kế toán cơ quan Huyện ủy Cam Lộ	31,3			31,3	
9.	199	Nguyễn Thị Hương Trang	04/8/1995	Quảng Ninh, Quảng Bình	Kế toán cơ quan Huyện ủy Cam Lộ	82,9			82,9	
10.	200	Nguyễn Thị Thùy Trang	07/9/1992	Triệu Trung, Triệu Phong	Kế toán cơ quan Huyện ủy Cam Lộ	29,3	5		34,3	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức danh đăng ký thi tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm trừ	Tổng điểm	Ghi chú
11.	129	Nguyễn Thị Diệu Nguyên	20/10/1998	Hải Hưng, Hải Lãng	Kế toán cơ quan UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Cam Lộ	29,5			29,5	
12.	163	Hoàng Thị Như Quỳnh	23/01/1983	Cam Chính, Cam Lộ	Kế toán cơ quan UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Cam Lộ	21	5		26	
13.	202	Nguyễn Thị Thu Trang	08/8/1996	Lê Thủy, Quảng Bình	Kế toán cơ quan UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Cam Lộ	34			34	
IX CHUYÊN NGÀNH VĂN THƯ - LƯU TRỮ										
1.	049	Lê Thị Hằng	23/3/1986	Vĩnh Hòa, Vĩnh Linh	Chuyên viên lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy	44,5			44,5	
2.	097	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	12/02/2000	Triệu Phước, Triệu Phong	Chuyên viên lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy	40,8			40,8	
3.	156	Lê Thị Phương	30/8/1996	Hải Hưng, Hải Lãng	Chuyên viên lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy	65			65	
4.	164	Nguyễn Lê Như Quỳnh	18/10/1998	Triệu Phước, Triệu Phong	Chuyên viên lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy	33,5	5		38,5	
5.	025	Lê Thị Thùy Dung	15/9/1992	Hương Khê, Hà Tĩnh	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ kiêm tạp vụ Ban Tổ chức Tỉnh ủy	48,5			48,5	
6.	029	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	20/6/1989	Hồ Xá, Vĩnh Linh	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ kiêm tạp vụ Ban Tổ chức Tỉnh ủy	52,8			52,8	